

Trường Đại Học Mở - Địa chất
Phòng Đào tạo Đại học
-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (7520503)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
Học Kỳ Thứ 1						
1	7010102	Đại số tuyến tính	4	60		
2	7010103	Giải tích 1	4	60		
3	7010204	Vật lý đại cương 1	4	60		
4	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	45		
5	7010701	Giáo dục thể chất 1	1	15		
6	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30		
Học Kỳ Thứ 2						
1	7010104	Giải tích 2	4	60		
2	7010111	Phương pháp tính	3	45		
3	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
4	7010202	Thí nghiệm vật lý 1	1	15		
5	7010702	Giáo dục thể chất 2	1	15		
6	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45		
7	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
Học Kỳ Thứ 3						
1	7010601	Tiếng Anh 1	3	45		
2	7010703	Giáo dục thể chất 3	1	15		
3	7020104	Pháp luật đại cương	2	30		
4	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
5	7050411	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	60		
6	7050707	Cơ sở bản đồ	3	45		
7	7051001	Nhập môn kỹ thuật TD - BD	3	45		
8	7050409	Thực tập trắc địa cơ sở 1	1	15	7520503_04	Bản đồ
Học Kỳ Thứ 4						
1	7010602	Tiếng Anh 2	3	45		
2	7050214	Trắc địa cao cấp + BTL	4	60		
3	7050301	Cơ sở đo ảnh và viễn thám	4	60		
4	7050404	Lý thuyết sai số + BTL	3	45		
5	7050504	Cơ sở trắc địa mở	4	60		
6	7300102	Đường lối quân sự của Đảng	3	45		
7	7050408	Thực tập Trắc địa cơ sở	2	30	7520503_01	Trắc địa
8	7050409	Thực tập trắc địa cơ sở 1	1	15	7520503_02	Trắc địa mở và Công trình
9	7050409	Thực tập trắc địa cơ sở 1	1	15	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
Học Kỳ Thứ 5						
1	7050101	Cơ sở Trắc địa công trình	4	60		
2	7050203	Định vị vệ tinh A + BTL	3	45		
3	7050303	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	45		
4	7050608	Địa chính	4	60		
5	7300101	Công tác quốc phòng - an ninh	3	45		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (7520503)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
6	7050602	Biên tập bản đồ số	3	45	7520503_03	Địa chính
7	7050315	Thực tập chuyên ngành đo ảnh, viễn thám và GIS	3	45	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
Học Kỳ Thứ 6						
1	7050103	Công nghệ đo đạc điện tử và quét 3D	3	45		
2	7050624	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	3	45		
3	7050718	Thiết kế thành lập bản đồ và cơ sở dữ liệu địa lý	4	60		
4	7300201	Quân sự chung và chiến thuật	5	75		
5	7050412	Trắc địa cơ sở 2 +BTL	2	30	7520503_01	Trắc địa
6	7050512	Đồ án kỹ thuật 1	2	30	7520503_02	Trắc địa mô và Công trình
7	7050527	Trắc địa mô hầm lò	2	30	7520503_02	Trắc địa mô và Công trình
8	7050611	Đồ án kỹ thuật 1	2	30	7520503_03	Địa chính
9	7050618	Hệ thống thông tin đất đai 1	3	45	7520503_03	Địa chính
10	7050712	Đồ án kỹ thuật 1	2	30	7520503_04	Bản đồ
11	7050726	Ứng dụng viễn thám và GIS trong thành lập bản đồ chuyên đề	3	45	7520503_04	Bản đồ
12	7050308	Đồ án kỹ thuật 1	2	30	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
13	7050309	Đồ án kỹ thuật 2	2	30	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
14	7050311	GIS mã nguồn mở	2	30	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
Học Kỳ Thứ 7						
1	7050502	Các phương pháp TĐ - BĐ trong quan trắc TN&MT	3	45		
2	7050106	Quan trắc biến dạng công trình	2	30	7520503_01	Trắc địa
3	7050204	Đồ án kỹ thuật 1	2	30	7520503_01	Trắc địa
4	7050205	Đồ án kỹ thuật 2	2	30	7520503_01	Trắc địa
5	7050213	Trắc địa Biển +BTL	2	30	7520503_01	Trắc địa
6	7050511	Dịch động đất đá	2	30	7520503_02	Trắc địa mô và Công trình
7	7050513	Đồ án kỹ thuật 2	2	30	7520503_02	Trắc địa mô và Công trình
8	7050517	Mô hình GIS dự báo biến động tài nguyên và môi trường	3	45	7520503_02	Trắc địa mô và Công trình
9	7050613	Đồ án kỹ thuật 2	2	30	7520503_03	Địa chính
10	7050641	TT Đo đạc địa chính 1	2	30	7520503_03	Địa chính
11	7050705	Các dịch vụ dữ liệu bản đồ và thông tin địa lý	2	30	7520503_04	Bản đồ
12	7050713	Đồ án kỹ thuật 2	2	30	7520503_04	Bản đồ
13	7050724	Ứng dụng GIS hỗ trợ ra quyết định	2	30	7520503_04	Bản đồ
14	7050306	Cơ sở Viễn thám siêu cao tần	2	30	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý
Học Kỳ Thứ 8						
1	7050206	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520503_01	Trắc địa
2	7050212	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520503_01	Trắc địa
3	7050514	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520503_02	Trắc địa mô và Công trình
4	7050519	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520503_02	Trắc địa mô và Công trình
5	7050514	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520503_03	Địa chính
6	7050519	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520503_03	Địa chính
7	7050514	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520503_04	Bản đồ
8	7050519	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520503_04	Bản đồ
9	7050514	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (7520503)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
10	7050519	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520503_05	Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý

Ngày.....tháng.....năm.....